

Thăng Mỗ

Thăng Mỗ có mặt ở nông thôn Việt Nam không biết từ bao giờ. Nhưng chắc chắn là đã từ lâu. Vua Lê Thánh Tông đã làm thơ nôm vịnh thăng Mỗ :

Gớm thay lớn tiếng lại dài hơi
Làng nước ứng bầu chẳng phải chơi
Mộc đặc vang lừng trong bốn cõi
Kim thanh rền rĩ khắp đôi nơi
Đâu đâu đấy đấy đều nghe lệnh
Xã xã dân dân phải cú lời
Trên dưới quyền hành tay cất đặt
Một mình một cổ thỏa lòng xơi.

Lời lẽ có vẻ kính trọng, ngược hẳn với địa vị của Mỗ trong xã hội xưa. Mỗ là một nhân vật không thể thiếu trong tổ chức làng xã.

"Dưới bọn tuần đinh, làng nào cũng có một người làm nô lệ chung cho cả hàng xã gọi là đặc phu.

Khi nào trong làng có việc gì thì tên đặc phu phải đi mời mọc cả làng ra đình hội họp. Hoặc có việc gì lễ dịch báo cáo cho làng biết thì đặc phu gõ mõ đi rao suốt các ngõ. Nhà tư gia ai có việc hiếu hỉ hoặc có việc giỗ kỵ muốn mời làng thì cũng sai đặc phu đi mời.

(...) Đặc phu là một kẻ dè tiện hơn hết các loài người, chỉ những kẻ khốn khó mới đi nơi xa khuất chịu làm nghề ấy mà thôi. Mà ai đã nhỡ phải bước ấy thì con cháu về sau, muốn làm nghề gì mặc lòng, cũng không rửa được tiếng xấu."

(Phan Kế Bính, Việt Nam phong tục, Nxb Tổng hợp Đồng Tháp, 1990).

Mỗ gần gũi mọi người, đáng lẽ phải được mọi người đối xử tử tế, thân mật, nhưng không hiểu tại sao mỗ lại bị khinh bỉ, chà đạp. Mỗ bị coi là nhân vật thấp nhất trong xã hội, chỉ có quyền cúi đầu để mọi người sai bảo.

Có lẽ chính sự bất công và thiếu đạo đức của xã hội đã khơi dậy sự phản kháng của giới văn nghệ sĩ. Nhiều tác giả bênh vực mỗ, tạo ra những tình huống bất ngờ để cho mỗ đóng vai trò gỡ rối cho đám chức sắc trong làng.

Mọi người còn nhớ thăng Mỗ của Ngô Tất Tố có tài băm thịt gà, xứng đáng với danh hiệu nghệ sĩ. Chỉ có thăng mỗ mới gánh nổi trách nhiệm chia phần công bằng cho cả làng. Một con gà "một người ăn cổ mới hết", được Mỗ chặt ra chia làm 23 cổ, 83 suất. Không có "thiên tài" băm gà của Mỗ, làng nước sẽ khó tránh được những cuộc cãi nhau, tranh giành, thậm chí hại ngầm nhau.

Nhưng có lẽ giỏi nhất, thông minh nhất trong làng Mỗ, thì phải gán huy chương vàng cho thăng Mỗ làng Cổ Nhuế của Hồ Hữu Tường (tôi được đọc cuốn Phi Lạc sang Tàu của Hồ Hữu Tường vào khoảng đầu thập niên 60, rất tiếc không nhớ tên nhà xuất bản). Thăng Mỗ được ông tiên chỉ của làng mời làm cố vấn, giải quyết tất cả những chuyện rắc rối điên đầu. Mỗ được sứ Tàu bái phục sát đất.

Nam Cao cũng đưa ra một thăng Mỗ, vốn hiền lành lương thiện nhưng bị xã hội làm cho xấu đi.

Tên Mỗ từ đâu ra ?

Cho tới đầu thế kỷ 20, thăng Mỗ còn mang tên là mộc đặc, rồi đặc phu.

Mộc đặc nguyên nghĩa là cái chuông bằng đồng, có quả lắc bằng gỗ. Ngày xưa dùng "mộc đặc" để đánh hiệu vào học. Do đó người ta gọi thầy học là mộc đặc (Đào Duy Anh), hoặc đặc tư (Thiền Chử), thầy giảng đạo gọi là đặc đức (Huỳnh Tịnh Của).

Ta có thể suy ra rằng ngày xưa mỗ làng còn dùng chuông, trước khi dùng mõ.

Đầu thế kỷ 20, trong sách vở chưa có tên thẳng Mỗ. Ngược lại chữ mỗ (chuông mỗ) đã có mặt và được định nghĩa là đồ dùng làm hiệu lệnh, bằng bông cây hoặc bông tre. Chuông mỗ là tiếng gọi chung đồ dùng của thầy chùa (Huỳnh Tịnh Của).

Cái mỗ xuất hiện trước thẳng Mỗ. Nhưng có thể nào cho rằng gọi là thẳng Mỗ vì nó gõ mỗ không ? Chắc chắn là không vì chẳng có ai dám gọi nhà sư là thẳng mỗ.

Muốn tìm nguồn gốc chữ Mỗ chúng ta hãy tìm hiểu chính thẳng mỗ.

Phần đông mỗ làng là những người tha phương cầu thực, từ chỗ khác tới làng kiếm ăn. Bị mọi người khinh rẻ. Làng xã chẳng cần biết và cũng không cần tra hỏi lai lịch tên tuổi. Chỉ cần nói thẳng mỗ, ai cũng biết nhân vật được nói tới.

Sách vở xưa dùng chữ "mỗ" để gọi những người không biết tên. Chữ mỗ là đại danh từ không chỉ rõ cái gì, người nào, được dùng khá phổ biến.

Phạm Đình Hồ và Nguyễn Án (Tang thương ngẫu lục, bản dịch của Đạm Nguyên, Sài Gòn, 1962), đưa ra một loạt các ông bà Mỗ : ông liệt sĩ Mỗ (họ tên chưa thể tra xét được), bà mẹ phu nhân Mỗ. Thầy địa lý Tả Ao là ông Mỗ, người làng Tả Ao, huyện Nghi Xuân (Hà Tĩnh). Ông thượng thư Nguyễn Văn Giai thuở nhỏ học ông Thái học sinh Mỗ.v.v..

Có thể cho rằng chữ Mỗ, chỉ một người không tên tuổi, là từ chữ Mỗ mà ra.

Xét về chức năng thì công việc của Mỗ là mời làng đi họp và báo tin của làng đến mọi nhà.

Mời ai, tìm ai, tiếng hán việt là "Mộ". Chữ mộ có thể đã được chuyển qua chữ nôm thành mỗ.

Mỗ là người đi mời (mộ) làng nước. Về sau các đồ vật được mỗ dùng, hoặc các đồ vật được dùng để làm hiệu lệnh, để rao gọi, đều được gọi là mỗ. - điểm làng có cái mỗ cá làm bằng đá tạc hình con cá. Tấm sắt cắm canh (chữ hán việt là thác) cũng được gọi là mỗ canh. Nhà sư lúc tụng niệm chú tâm dùng mỗ làm hiệu lệnh, giữ nhịp.

Bài thơ Thác thi (Vịnh cái mỗ) của Nguyễn Bình Khiêm có câu :

Điều đầu thiên cao dạ chuyển canh.

Được dịch là :

Trời cao, tiu keng, đêm dời canh.

Và được chú thích rằng "Điều là cái keng (xưa gọi là cái tiu), đầu là cái đầu dùng trong quân đội để đóng gạo nhưng cũng dùng để gõ làm hiệu lệnh. Điều và đầu đều dùng như keng và mỗ trong quân đội". (Thơ văn Nguyễn Bình Khiêm, Nxb Văn học, Hà Nội, 1983).

Tóm lại, thẳng Mỗ, người đi mời mọi người trong làng, là do chữ mộ (mời) hoặc chữ mỗ (không tên tuổi) mà ra. Và đồ nghề của Mỗ thì được gọi là cái mỗ. Cái mỗ có thể được làm bằng gỗ, bằng tre, bằng gạch đá hay bằng sắt.